

TÁC ĐỘNG CỦA BẤT BÌNH ĐẲNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2002 - 2012

Ngày nhận bài: 13/11/2015

Ngày nhận lại: 18/03/2016

Ngày duyệt đăng: 18/04/2016

Lê Hồ Phong Linh¹
Nguyễn Ngọc Anh Trúc²

TÓM TẮT

“Bất bình đẳng tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế?” là vấn đề đang được xã hội quan tâm. Thế nhưng, hiện có rất ít nghiên cứu đi sâu vào phân tích và lượng hóa mối quan hệ này ở Việt Nam. Hầu hết các nghiên cứu hiện có sử dụng phương pháp định tính. Trong khi đó, các nghiên cứu định lượng hiện có chủ yếu sử dụng hệ số GINI thu nhập để đo lường bất bình đẳng dù trên thực tế hệ số GINI chi tiêu đại diện tốt hơn cho bất bình đẳng tại các nước đang phát triển. Thêm vào đó, do hạn chế về dữ liệu, chuỗi dữ liệu trong các nghiên cứu trên thường ngắn. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm so sánh tác động của bất bình đẳng thu nhập và chi tiêu đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2002-2012. Sử dụng dữ liệu bảng gồm 378 quan sát của 63 tỉnh thành tại Việt Nam, kết quả hồi qui cho thấy GINI chi tiêu phản ánh rõ nét hơn tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có một mối quan hệ phi tuyến hình chữ U ngược giữa bất bình đẳng chi tiêu và tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam.

Từ khóa: Bất bình đẳng; tăng trưởng; Việt Nam; GINI thu nhập; GINI chi tiêu.

Impact of inequality on economic growth in Vietnam during the 2002-2012 period

ABSTRACT

“How does inequality affect economic growth?” is a concern of the society. Yet, there are few studies that analyze and quantify the impact of inequality on growth in Vietnam. Most of the available studies applied qualitative method. Those that use quantitative method focus mainly on using income to measure inequality despite of the fact that expenditure may be a better representation for the measurement in developing countries. Moreover, due to limitation of data, duration of the studies is relatively short. This study, therefore, was conducted to compare the impact of GINI income and GINI expenditure on growth in Vietnam during the 2002-2012 period. Applying panel data that consist of 378 observations of 63 provinces during the period, the regression results proved that GINI expenditure reflect the impact of inequality on growth clearer than that of income. The model also indicates an inverted U shape relationship between expenditure inequality and growth in real GDP per capita in Vietnam.

Keywords: Inequality; growth; Vietnam; GINI income; GINI expenditure.

1. Đặt vấn đề

Bất bình đẳng tác động như thế nào đến tăng trưởng là một trong những câu hỏi cơ bản của kinh tế học. Việc xác định đúng mối

quan hệ giữa hai yếu tố này có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển hài hòa của mỗi quốc gia vì bất bình đẳng quá thấp sẽ làm giảm động lực phát triển nhưng bất bình đẳng

¹ TS, Trường Đại học Mở TP.HCM. Email: linh.lhp@ou.edu.vn

² ThS, Trường Đại học Mở TP.HCM. Email: nguyennngocanhtruc@gmail.com

quá cao lại làm giảm hiệu quả kinh tế và gia tăng bất ổn xã hội (Banerjee và Duflo, 2003; Todaro và Smith, 2012). Dù đã có rất nhiều nghiên cứu tìm hiểu mối quan hệ này nhưng những kết quả tìm được, cả về lý thuyết và thực nghiệm, tại các quốc gia lại rất khác nhau. Vậy bất bình đẳng có tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam?

Hệ số GINI thu nhập của Việt Nam năm 2012 theo tính toán của Ngân hàng Thế giới là 38,7%³. Như vậy, bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam đã gần đạt đến ngưỡng 40% báo động của tổ chức này. Điều đáng lo ngại hơn là tình trạng phân hóa giàu nghèo tại Việt Nam đang chuyển biến nhanh theo hướng người giàu ngày càng giàu thêm trong khi người nghèo ngày càng nghèo đi (Nguyen Van Phuc và Le Ho Phong linh, 2014). Nếu không có những nỗ lực ngăn chặn từ bây giờ, bất bình đẳng ở Việt Nam có thể đạt đến mức báo động trong thời gian tới.

Hiện đã có một số nghiên cứu về tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nhưng các nghiên cứu này thường sử dụng thu nhập để tính bất bình đẳng và chỉ tính cho khoảng thời gian rất ngắn. Tuy nhiên, trên thực tế, việc sử dụng chi tiêu để tính bất bình đẳng ở các nước đang phát triển sẽ phù hợp hơn vì chi tiêu đại diện tốt hơn cho mức sống và điều kiện kinh tế của hộ gia đình (Vũ Triều Minh, 1999; Brewer và O'Dea, 2012). Kết quả Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 2012 được công bố cho phép kéo dài chuỗi thời gian nghiên cứu cho cả giai đoạn 2002-2012. Vì thế, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của bất bình đẳng thu nhập và chi tiêu đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn 2002-2012⁴.

2. Cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng

Bài viết “Tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập” của Kuznets được xuất bản vào năm 1955 là một trong những nghiên cứu đầu tiên được thực hiện để tìm hiểu mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng. Theo Kuznets (1955), bất bình đẳng ở một quốc gia

tăng dần trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển và sẽ giảm dần khi quốc gia ấy đạt đến một trình độ phát triển nhất định. Ông cho rằng bất bình đẳng có thể tăng khi một quốc gia chuyển đổi từ nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp. Nguyên nhân là do trong nền kinh tế nông nghiệp, thu nhập được phân phối tương đối đồng đều nhưng khi tiến trình đô thị hóa và công nghiệp hóa tăng mạnh thì bất bình đẳng cũng tăng lên.

Luận điểm của Kuznets được củng cố bởi mô hình thăng dư lao động của Lewis. Theo Lewis (1954), bất bình đẳng không chỉ là kết quả mà còn là nguyên nhân của tăng trưởng. Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, lao động dư thừa trong khu vực nông nghiệp được thu hút vào khu vực công nghiệp nhưng chỉ được trả lương ở mức tối thiểu. Nhờ đó, nhà tư bản có điều kiện tích lũy và tái đầu tư mở rộng qui mô sản xuất. Bất bình đẳng giữa hai khu vực tăng cho đến khi lao động trở nên khan hiếm, tiền công tăng lên làm giảm lợi nhuận của nhà tư bản. Do vậy, thực hiện mục tiêu công bằng xã hội có thể mâu thuẫn với việc đảm bảo tăng trưởng nhanh. Để chuyển thu nhập của người giàu sang người nghèo, chính phủ phải thực hiện các chính sách tái phân phối như: áp dụng hệ thống thuế thu nhập lũy tiến, mở rộng các chương trình phúc lợi, tăng thuế tài sản,... Với các chính sách này, những người có thu nhập cao phải nộp một phần lớn hơn trong thu nhập của họ để những người nghèo được nhận trợ cấp nhiều hơn. Phần thu nhập tăng thêm thông qua tăng thuế để trợ cấp càng cao thì cả người giàu và người nghèo càng ít có động lực làm việc chăm chỉ. Vì thế, tổng thu nhập của toàn xã hội sẽ giảm, phần thu nhập dành cho mỗi người cũng giảm (Mankiw, 2004).

Từ một góc nhìn khác, Aghion và Bolton (1990), Alesina và Rodrik (1994), Persson và Tabellini (1994) cho rằng bất bình đẳng thu nhập làm giảm tốc độ tăng trưởng do áp lực phải phân phối lại. Họ lập luận rằng, trong các xã hội dân chủ, mức thuế do nhóm cử tri chiếm đa số, tầng lớp trung lưu, quyết định. Mức thuế có quan hệ tỷ lệ thuận với thu nhập

trong khi lợi ích của chi tiêu công được phân phối cho tất cả mọi người. Người giàu ủng hộ mức thuế thấp nhằm giảm phần đóng góp cho chi tiêu công, còn người nghèo lại mong muốn một mức thuế cao hơn để được hưởng lợi nhiều hơn từ nguồn chi này. Bất bình đẳng trong xã hội càng cao thì áp lực tăng thuế càng mạnh vì khi đó chính phủ sẽ quyết định chính sách dựa trên mong muốn của nhóm cử tri chiếm đa số, những người thuộc tầng lớp trung lưu. Vì vậy, bất bình đẳng tạo áp lực tăng thuế và dẫn đến các chính sách làm chậm tăng trưởng. Ngược lại, khi thu nhập được phân phối đồng đều hơn sẽ có nhiều người ủng hộ mức thuế thấp hơn.

Cùng quan điểm với Alesina và Rodrik (1994), Todaro (1994) cho rằng bất bình đẳng không có lợi cho tăng trưởng nhưng lý giải theo một cách khác. Ông lập luận rằng những người nghèo với thu nhập thấp sẽ có ít điều kiện chăm sóc sức khỏe và tiếp cận hệ thống giáo dục tiên tiến, nên năng suất lao động và cơ hội tiếp cận việc làm thấp. Điều này gây ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng. Bên cạnh đó, không phải người giàu mà tầng lớp trung lưu mới là nhóm dân số có tỷ lệ đầu tư trong tổng thu nhập cao nhất. Vì vậy, bất bình đẳng cao sẽ làm giảm tỷ lệ đầu tư chung của nền kinh tế và giảm tăng trưởng. Bất bình đẳng cao còn làm giảm hiệu quả đầu tư do những sai lệch trong định hướng đầu tư và gia tăng bất ổn xã hội (Todaro và Smith, 2012).

Perotti (1996) cũng cho rằng bất bình đẳng tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua việc lựa chọn đầu tư cho số lượng hay chất lượng nguồn nhân lực của các hộ gia đình. Theo ông các gia đình nghèo thường đầu tư vào qui mô hộ gia đình hơn là đầu tư cho giáo dục. Trong khi đó, tăng trưởng được thúc đẩy bởi sự đầu tư vào chất lượng nguồn nhân lực hơn là việc gia tăng số lượng lao động. Do vậy một xã hội có nhiều hộ nghèo dễ có nguy

cơ bùng nổ dân số làm cho thu nhập bình quân giảm và bất bình đẳng tăng.

Trong khi đó, Deininger và Squire (1996) cho rằng không có bằng chứng rõ ràng về mô hình chữ U ngược khi xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập khi nghiên cứu các quốc gia riêng lẻ. Nghĩa là tăng trưởng kinh tế có thể không làm gia tăng bất bình đẳng ngay cả trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển ở các nước nghèo. Cùng quan điểm này, Barro và Sala-i-Martin (1999) cho rằng bất bình đẳng tăng lên chỉ làm giảm tốc độ tăng trưởng của các nước nghèo có mức GDP bình quân đầu người thấp hơn 2.000 đô la Mỹ. Trái lại, ở các nước có mức GDP bình quân đầu người cao hơn mức này, mối quan hệ này trở nên không rõ ràng.

Như vậy, có rất nhiều quan niệm khác nhau về tác động của bất bình đẳng đối với tăng trưởng. Dù vẫn còn nhiều tranh cãi nhưng đa số các nhà kinh tế học cho rằng mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tăng trưởng ở các quốc gia khác nhau thường không giống nhau. Ở một mức độ nhất định bất bình đẳng có thể thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, bất bình đẳng cao sẽ có tác động tiêu cực đến tăng trưởng.

3. Cơ sở thực nghiệm và mô hình nghiên cứu

Kết quả các nghiên cứu thực nghiệm về tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng có thể phân thành bốn nhóm: (i) Bất bình đẳng có tác động ngược chiều đến tăng trưởng; (ii) Bất bình đẳng có tác động cùng chiều đến tăng trưởng; (iii) có mối quan hệ phi tuyến giữa bất bình đẳng và tăng trưởng; và (iv) không có mối quan hệ giữa hai yếu tố này. Trong bài viết này, các tác giả chỉ tổng hợp những nghiên cứu thực nghiệm phân tích tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng ở từng quốc gia riêng rẽ sử dụng dữ liệu Bảng ở cấp tỉnh thành, bang hoặc vùng.

Bảng 1. Tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế qua các nghiên cứu thực nghiệm

Nguồn (năm thực hiện)	Tên nghiên cứu	Dữ liệu, phương pháp	Biến phụ thuộc	Biến độc lập	Tương quan
Ortega-Díaz (2003)	Đánh giá mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế	Dữ liệu bảng, 32 bang ở Mehico, 1960-2002, phương pháp GMM (Generalized Method of Moments)	lnGSP (Gross State Product) thực bình quân đầu người của bang	GINI thu nhập % dân số nam 10 tuổi trở lên biết đọc biết viết % dân số nữ 10 tuổi trở lên biết đọc biết viết Giai đoạn (biến dummy)	(+)/(-) (-) (+) (-)/ không
Digdowiseiso (2009)	Bất bình đẳng giáo dục, tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập ở Indonesia	Dữ liệu bảng, cấp tỉnh, 23 tỉnh, 1996-2005, phương pháp hồi qui tuyến tính	Logarit GDP thực bình quân đầu người	Tuổi thọ kỳ vọng Số năm đi học trung bình Hệ số GINI thu nhập Sai phân bậc 1 của Ln GDP thực bình quân	(+) (+) (+) (+)
Pede và cộng sự (2012)	Bất bình đẳng thu nhập của vùng và tăng trưởng kinh tế: Phân tích theo không gian cho các tỉnh thành tại Philippines	80 tỉnh, giai đoạn 1991-2000, GWR (Geographically Weighted Regression)	Logarit Thu nhập bình quân đầu người	Logarit thu nhập bình quân đầu người Chỉ số Thiel về bất bình đẳng thu nhập Tỷ lệ nghèo Trình độ giáo dục Thành thị	(-) (+) (-) (+) (+)
Oyama (2014)	Phân phối thu nhập tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế? Bằng chứng từ dữ liệu cấp tỉnh thành ở Nhật Bản	Cấp tỉnh, Giai đoạn 1980-2010, FEM	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong 5 năm hoặc 10 năm	Logarit thu nhập bình quân đầu người Tỷ trọng thu nhập của ngũ phân vị thứ 3 Hệ số GINI thu nhập Số người tốt nghiệp trung học Số người tốt nghiệp cao đẳng và đại học Mức độ đô thị hóa Cấu trúc tuổi cao Đặc điểm kinh tế của tỉnh thành: Nông nghiệp Công nghiệp Tài chính Hành chính	(-) (+) (-) (+) Không Không (-) Không (+) Không Không

Coll (2014)	Vấn đề bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế ở Mê-xi-cô	Giai đoạn 2000-2005, cấp xã, hồi qui, 2391 quan sát	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người trung bình trong giai đoạn.	Hệ số GINI thu nhập Hệ số GINI thu nhập bình phương Tỷ lệ chi tiêu Chính phủ trên GDP Tỷ lệ đầu tư trên GDP Logarit tỷ lệ sinh Logarit GDP bình quân đầu người Số năm đi học trung bình Vai trò của luật pháp Biến giả Vùng: Bắc Trung Đông Nam	(+) (-) (+) (+) (-) (-) (+) (+) (+) (-) không
Lê Quốc Hội (2008)	Mối quan hệ giữa tăng trưởng, nghèo đói và bất bình đẳng ở Việt Nam	Giai đoạn 1996-2004, OLS, 61 tỉnh thành	Tỷ lệ tăng trưởng GDP	Hệ số GINI chi tiêu Tỷ lệ hộ nghèo Số năm đi học trung bình của dân số trưởng thành GDP bình quân đầu người Tỷ lệ trung bình của đầu tư trên GDP	không (-) (+) (+) (+)
Phạm Ngọc Toàn và Hoàng Thanh Nghị (2012)	Mối quan hệ giữa tăng trưởng, nghèo đói và bất bình đẳng ở Việt Nam	2006-2010, 63 tỉnh thành, FEM	Lôgarit GDP	Logarit tỷ lệ đầu tư/GDP, Logarit dân số trong độ tuổi lao động, Hệ số GINI thu nhập, Hệ số GINI thu nhập bình phương Tương tác GINI và đầu tư Tương tác GINI và giáo dục	(+) (+) (-) (+) (+) (+)
Hoàng Thủy Yên (2015)	Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	2004-2010, dữ liệu bảng 63 tỉnh/thành, FEM	Logarit GDP	Hệ số GINI thu nhập, Hệ số GINI thu nhập bình phương, Logarit tỷ lệ đầu tư trong GDP, Logarit tỷ lệ lao động trong tổng số dân Tương tác của GINI và đầu tư	(+) (-) (+) (+) (-)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Kết quả thực nghiệm tổng hợp ở Bảng 1 cho thấy, hầu hết các nghiên cứu sử dụng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người để đại diện cho tăng trưởng kinh tế và hệ số GINI thu nhập để đại diện cho mức độ bất bình đẳng. Một số đặc điểm khác của địa phương như trình độ học vấn, tỷ lệ hộ nghèo, lực lượng lao động, thành thị - nông thôn,... cũng được sử dụng như các biến kiểm soát khi phân tích tác động của bất bình đẳng đối với tăng trưởng.

Cả ba nghiên cứu về mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tăng trưởng ở Việt Nam được tổng hợp ở Bảng 1 đều sử dụng dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam ở cấp tỉnh thành nhưng các biến số được chọn để đại diện cho bất bình đẳng và giai đoạn nghiên cứu lại rất khác nhau. Nghiên cứu của Lê Quốc Hội sử dụng GINI chỉ tiêu trong khi hai nghiên cứu còn lại đều sử dụng GINI thu nhập để đại diện cho bất bình đẳng. Xét về thời gian, Lê Quốc Hội nghiên cứu mối quan hệ

này trong giai đoạn 1996-2004, Phạm Ngọc Toàn và Hoàng Thanh Nghị nghiên cứu giai đoạn 2006-2010 còn Hoàng Thủy Yên nghiên cứu cho giai đoạn 2004-2010. Kết quả thực nghiệm của ba nghiên cứu này cũng rất khác nhau. Lê Quốc Hội (2008) không tìm thấy mối quan hệ giữa bất bình đẳng chi tiêu với tăng trưởng. Trái lại nghiên cứu của Phạm Ngọc Toàn và Hoàng Thanh Nghị (2012) và Hoàng Thủy Yên (2015) cho thấy có mối quan hệ phi tuyến giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng. Tuy nhiên, ngưỡng xác định chiều tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng trong nghiên cứu của Hoàng Thủy Yên cao hơn nghiên cứu của Phạm Ngọc Toàn và Hoàng Thanh Nghị.

Trên cơ sở lý luận và thực nghiệm đã tổng hợp, các biến sử dụng trong nghiên cứu để đánh giá tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng và những giả thuyết liên quan được xác định như sau:

Bảng 2. Bảng tổng hợp các biến, cơ sở chọn biến và dấu kỳ vọng trong mô hình nghiên cứu

Tên biến (ký hiệu)	Mô tả biến (đơn vị tính)	Cơ sở chọn biến	Kỳ vọng dấu	Giả thuyết
<i>Biến phụ thuộc:</i>				
Tăng trưởng kinh tế ($\ln GDP_{pit}$) ⁵	Giá trị Logarit Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người của tỉnh i tại thời điểm t , theo giá cố định 1994	Wanyagathi (2006)		
<i>Các biến độc lập:</i>				
Bất bình đẳng (G_inc/exp_{it})	Hệ số GINI theo Thu nhập/Chi tiêu của tỉnh i tại thời điểm t (%).	Ortega-Díaz (2003); Phạm Ngọc Toàn và Hoàng Thanh Nghị (2012); Hoàng Thủy Yên (2015)	+/-	Trong một giới hạn nhất định, bất bình đẳng tăng sẽ thúc đẩy tăng trưởng nhưng đến một mức độ nào đó, bất bình đẳng tăng sẽ làm giảm tăng trưởng.
Bất bình đẳng bình phương (G_inc/exp_{it}) ²	Bình phương Hệ số GINI theo thu nhập/chi tiêu của tỉnh i tại thời điểm t (%).	Phạm Ngọc Toàn và Hoàng Thanh Nghị (2012); Hoàng Thủy Yên (2015)	-/+	Có mối quan hệ phi tuyến giữa bất bình đẳng và tăng trưởng.

Tên biến (ký hiệu)	Mô tả biến (đơn vị tính)	Cơ sở chọn biến	Kỳ vọng dấu	Giả thuyết
Trình độ học vấn (EDU _{it})	Số năm đi học trung bình của các thành viên hộ từ 15 tuổi trở lên (năm).	Digdowniseiso (2009); Coll (2014)	+	Trình độ học vấn có mối quan hệ cùng chiều với tăng trưởng kinh tế.
Tỷ lệ nghèo (POV _{it})	Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh i tại thời điểm t (%).	Pede và Cộng sự (2012), Lê Quốc Hội (2008)	-	Tỷ lệ hộ nghèo có quan hệ ngược chiều với tăng trưởng kinh tế.
Lực lượng lao động (LAB _{it})	Tỷ lệ lực lượng lao động trên tổng dân số của tỉnh i tại thời điểm t (%).	Digdowniseiso (2009)	+	Tỷ lệ lực lượng lao động có tác động cùng chiều với tăng trưởng kinh tế.
Đô thị hóa (URB _{it})	Mức độ đô thị hóa của tỉnh i tại thời điểm t (%).	Pede và cộng sự (2012)	+	Mức độ đô thị hóa có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Cụ thể, tác động của bất bình đẳng đối với tăng trưởng được phân tích dựa trên hai mô hình nghiên cứu như sau:

Mô hình 1: Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng

$$\text{LnGDPpc}_{it} = \beta_1 + \beta_2 \text{G_inc}_{it} + \text{G_inc}_{it}^2 + \beta_3 \text{EDU}_{it} + \beta_4 \text{POV}_{it} + \beta_5 \text{LAB}_{it} + \beta_6 \text{URB}_{it} + \mu$$

Mô hình 2: Tác động của bất bình đẳng chi tiêu đến tăng trưởng

$$\text{LnGDPpc}_{it} = \beta_1 + \text{G_exp}_{it} + \text{G_exp}_{it}^2 + \beta_3 \text{EDU}_{it} + \beta_4 \text{POV}_{it} + \beta_5 \text{LAB}_{it} + \beta_6 \text{URB}_{it} + \mu$$

Với:

i là các tỉnh/thành phố;

t là thời gian (năm);

μ là sai số trong mô hình.

4. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ Tổng cục Thống kê (TCTK), Niên giám Thống kê (NGTK) các tỉnh/thành, Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) và Kết quả VHLSS các năm 2002, 2004, 2006, 2008,

2010 và 2012.

Trong quá trình xử lý dữ liệu, do hai tỉnh Hà Tây và Thành phố Hà Nội (cũ) được sát nhập vào năm 2007, nên tác giả hợp nhất số liệu hai địa phương này thành một địa phương là Hà Nội (mới) cho cả giai đoạn 2002 - 2012. Ngoài ra, số liệu năm 2002 của ba địa phương Điện Biên, Đắk Nông và Hậu Giang bị thiếu do việc tách tỉnh⁶ nên tác giả thay thế bằng các giá trị trung bình giai đoạn 2004 - 2012 để xử lý giá trị thiếu trong mô hình. Như vậy, dữ liệu bảng trong mô hình có thời gian $T = 6$ (năm) và $N = 63$ (tỉnh/thành), tổng cộng có 378 quan sát.

Trong mô hình có 4 biến sử dụng dữ liệu có sẵn từ các Niên giám thống kê theo năm là LnGDPpc_{it} , LAB_{it} , POV_{it} và URB_{it} . Ba biến còn lại được rút trích và tính toán từ các bộ dữ liệu khảo sát mức sống hộ gia đình. Thông tin chi tiết về các biến trích lọc được mô tả như sau:

Bảng 3. Thông tin các biến được trích lọc

Ký hiệu biến trong mô hình	Tên biến	Tên đề mục theo năm					
		2002	2004	2006	2008	2010	2012
G_inc	Bất bình đẳng tính theo thu nhập	Tongcong (t36)	Ho1 (thunhap)	Ttchung (thunhap)	Ho15 (thunhap)	Ho13 (thunhap)	M4b22t M4b3t M4b4t M2atn M4atn M4b21t M4dtn
G_exp	Bất bình đẳng tính theo chi tiêu	Tongcong (t37)	Ho1 (chitieu)	Ttchung (chitieu)	Ho15 (chitieu)	M5a1ct M5a2ct M5b1ct M5b2ct M5b3ct M6c7 M7c23 M3ct M2act	M5a1ct M5a2ct M5b1ct M5b2ct M5b3ct M5ct M6c7 M7c27 M3ct M2act
EDU	Số năm đi học trung bình	M1c5 M2c1 M2c3	M1ac5 M2c1 M2c6	M1ac5 M2ac1 M2ac8	M1ac5 M2ac1 M2ac8	M1ac5 M2ac1 M2ac6	M1ac5 M2ac1 M2ac6

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ VHLSS 2002, 2004, 2006, 2008, 2010 và 2012.

Tại Việt Nam, Tổng cục thống kê có công bố số liệu về G_inc của các tỉnh thành được tính toán từ các bộ dữ liệu VHLSS trong giai đoạn 2002-2012. Tuy nhiên, số liệu G_exp của các tỉnh thành thu thập từ các cuộc khảo sát này lại không được công bố⁷. Bên cạnh đó, hệ số GINI theo thu nhập được công bố cũng không đồng nhất với nhau⁸. Do đó, để đảm bảo sự tương thích khi so sánh tác động của bất bình đẳng theo thu nhập và theo chi tiêu nhóm tác giả sử dụng dữ liệu thô từ kết quả các cuộc khảo sát mức sống gia đình Việt Nam để tính toán hệ số GINI theo thu nhập và chi tiêu của 63 tỉnh thành trong giai đoạn 2002-2012. Các hệ số GINI thu nhập (G_inc) và chi tiêu (G_exp) được tính trực tiếp tại

website: <http://www.wessa.net/co.wasp> bằng phương pháp tính GINI theo đường cong Lorenz dựa trên số liệu thu nhập và chi tiêu của từng hộ gia đình tại mỗi tỉnh thành⁹. Do dữ liệu VHLSS không đại diện cho cấp tỉnh thành nên giá trị tuyệt đối về mức độ tác động của các biến độc lập rút trích từ bộ dữ liệu này (gồm G_inc, G_exp và EDU) đến tăng trưởng trong hàm hồi qui có thể không chính xác. Đây là hạn chế chủ yếu của nghiên cứu. Tuy nhiên, đây là điều không thể tránh khỏi do đặc điểm và phương pháp chọn mẫu của các cuộc khảo sát này. Vì vậy, bài viết chỉ tập trung tìm hiểu chiều tác động và so sánh sự khác biệt giữa bất bình đẳng theo thu nhập và theo chi tiêu trong mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế

chứ không đi vào phân tích mức độ tác động của các biến trong mô hình.

Để xác định tác động của các yếu tố: bất bình đẳng, giáo dục, tỷ lệ nghèo, lao động và đô thị hóa đến tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh/thành, tác giả sử dụng phương pháp hồi qui dữ liệu bảng cho cả ba mô hình Pooled OLS (mô hình hồi tuyến tính gộp), FEM (mô hình tác động cố định) và REM (mô hình tác động ngẫu nhiên). Do đề tài sử dụng dữ liệu bảng của các tỉnh thành có đặc điểm kinh tế xã hội rất khác nhau nên trong dữ liệu có tồn tại một số giá trị nằm ngoài (outliers). Để khắc phục nhược điểm này của dữ liệu, nhóm tác giả sử dụng tùy chọn robust khi thực hiện hồi qui để giảm trọng số của các giá trị nằm cách xa đường hồi qui mà không phải loại bỏ chúng (Bramati & Croux, 2007). Nghiên cứu cũng sử dụng kiểm định F (F-test) và Hausman (Hausman-test) để lựa chọn giữa các mô hình pooled OLS, REM và FEM.

5. Kết quả

Kết quả tính toán cho thấy, giá trị trung bình của các biến phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Độ lệch chuẩn của các biến

đều nhỏ hơn giá trị trung bình. Độ lệch của các biến không quá lớn so với giá trị ± 1 ngoại trừ biến LAB và URB. Giá trị của các biến đều lệch phải, phù hợp thực tế vì giá trị của các biến đều lớn hơn 0.

Các cặp biến trong mô hình (ngoại trừ hai cặp biến G_inc và G_inc^2 , G_exp và G_exp^2) đều có hệ số tương quan nhỏ hơn 0,8. Biến G_exp và G_inc đều có tương quan dương với $LnGDPpc$, tuy nhiên G_exp có mức tương quan (0,4262) cao hơn G_inc (0,2813). Tỷ lệ hộ nghèo (POV) là biến có hệ số tương quan với tăng trưởng cao nhất (0,6596). Hướng tác động của các biến đúng với kỳ vọng, tỷ lệ nghèo (POV) tương quan nghịch chiều trong khi các biến giáo dục (EDU), lao động (LAB) và đô thị hóa (URB) tương quan thuận chiều với tăng trưởng.

Kết quả kiểm tra đa cộng tuyến cho thấy giá trị VIF của các biến đều khá nhỏ so với 10, khả năng đa cộng tuyến của mô hình thấp. Các kiểm định F (F-test) và Hausman (Hausman-test) cho thấy mô hình tác động cố định (FEM) với tùy chọn robust cho kết quả hồi qui phù hợp nhất.

Bảng 4. Kết quả mô hình hồi quy

Biến độc lập	Mô hình 1 - GINI thu nhập	Mô hình 2 - GINI chi tiêu
G_inc	0,00618	
G_inc^2	0,00003	
G_exp		0,05222****
G_exp^2		-0,0004**
EDU	0,18696****	0,19417****
POV	-0,03063****	-0,02840****
LAB	0,02560**	0,01564**
URB	0,02012*	0,01558*
Tung độ gốc	-1,31914****	-1,76293****
Số quan sát	378	378
R^2	0,7805	0,8469
R^2 hiệu chỉnh	0,7770	0,8444
Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$		

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Xét về tổng thể, kết quả hồi qui của hai mô hình đều có ý nghĩa thống kê với giá trị $p < 0.001$. Mức độ giải thích của hai mô hình đều trên 77%. Hướng tác động của các biến độc lập trong hai mô hình đều phù hợp với kỳ vọng. Tuy nhiên, mức độ giải thích của mô hình 2 (sử dụng GINI chi tiêu) cao hơn mô hình 1 (sử dụng GINI thu nhập). Điều này phù hợp với cơ sở lý thuyết và kỳ vọng là bất bình đẳng chi tiêu giải thích sự khác biệt trong tốc độ tăng trưởng GDP thực bình quân đầu người tốt hơn bất bình đẳng thu nhập.

Hệ số GINI thu nhập và GINI thu nhập bình phương của mô hình 1 không có ý nghĩa thống kê dù các biến kiểm soát đều có ý nghĩa ở mức 90% trở lên. Trong khi đó, tất cả các biến của mô hình 2 theo G_exp đều có ý nghĩa ở mức 90% trở lên. Cả 2 biến G_exp và G_exp^2 đều có ý nghĩa thống kê ở mức 99% và 95%. Hệ số $G_exp^2 < 0$ cho thấy có mối quan hệ hình chữ U ngược giữa tốc độ tăng trưởng GDP thực bình quân đầu người và mức bất bình đẳng trong chi tiêu của hộ gia đình. Có thể thấy mô hình 2 giải thích tốt hơn tác động của bất bình đẳng đối với tăng trưởng nên chúng tôi chỉ tập trung phân tích kết quả của mô hình hai.

$$\ln GDP_{pc} = -1,763 + 0,0522 G_exp - 0,0004 G_exp^2 + 0,1942 EDU - 0,0284 POV + 0,01564 LAB + 0,01556 URB$$

Kết quả mô hình cho thấy trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, bất bình đẳng tính theo chi tiêu tác động đến tăng trưởng theo hai hướng: khi $G_exp < 59,3\%$, bất bình đẳng có mối quan hệ cùng chiều với tăng trưởng; ngược lại, khi $G_exp \geq 59,3\%$, bất bình đẳng tác động ngược chiều lên tăng trưởng kinh tế. Khi tỷ lệ bất bình đẳng trong chi tiêu thay đổi 1% thì tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân của tỉnh thay đổi 0,14%.

Tương tự, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, số năm đi học trung bình của các thành viên từ 15 tuổi trở lên tăng thêm 1 năm thì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của tỉnh sẽ tăng thêm 2,6%. Điều này cho thấy giáo dục đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế ở Việt Nam. Yếu

tố quan trọng khác tác động đến tăng trưởng trong mô hình là Tỷ lệ hộ nghèo. Nếu tỷ lệ hộ nghèo tăng lên 1% thì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người sẽ giảm 0,16%. Tỷ lệ lực lượng lao động và tỷ lệ đô thị hóa cũng có tác động tích cực đến tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của các địa phương. Tuy nhiên, mức độ tác động tương đối nhỏ. 1% thay đổi trong tỷ lệ lực lượng lao động và tỷ lệ đô thị hóa có tác động đến tăng trưởng lần lượt là 0,03% và 0,06%.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, so với GINI thu nhập thì GINI chi tiêu thể hiện tốt hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng. Kết quả hồi qui theo GINI chi tiêu cho thấy có mối quan hệ phi tuyến theo hình chữ U ngược giữa bất bình đẳng chi tiêu và tốc độ tăng trưởng GDP thực bình quân đầu người ở các tỉnh thành. Kết quả mô hình cho thấy trong giai đoạn hiện tại, bất bình đẳng chi tiêu chưa có tác động tiêu cực đến tăng trưởng GDP bình quân. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các dữ liệu cấp tỉnh sử dụng trong mô hình, cả dữ liệu rút trích từ các cuộc khảo sát dân cư và các dữ liệu thống kê ở cấp tỉnh thành, còn nhiều hạn chế thì kết quả định lượng có thể không chính xác và chỉ có giá trị tham khảo. Dù có những hạn chế nhất định, kết quả tìm được đã cung cấp thêm bằng chứng về mối quan hệ và vai trò của các yếu tố tác động đến tăng trưởng ở Việt Nam. Cụ thể:

Nghiên cứu cung cấp thêm bằng chứng về mối quan hệ hình chữ U ngược giữa bất bình đẳng chi tiêu và tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò quan trọng của giáo dục trong tăng trưởng kinh tế. Mức tác động lớn của biến giáo dục cho thấy tăng trưởng nếu không đi kèm với việc chia sẻ lợi ích cho đại bộ phận dân cư thì tác động tích cực của bất bình đẳng (nếu có) có thể không đủ để bù đắp cho các tác động tiêu cực từ việc giảm đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình.

Nghiên cứu cũng chỉ ra tác động tiêu cực của tình trạng nghèo đến tăng trưởng. Người nghèo ít có điều kiện chăm sóc sức khỏe và

tiếp cận hệ thống giáo dục tiên tiến nên ít có cơ hội có được việc làm ổn định và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung. Tỷ lệ nghèo cao trong điều kiện các chính sách an sinh xã hội còn nhiều bất cập như hiện nay sẽ ảnh

hưởng tiêu cực đến tăng trưởng cả trong ngắn hạn và dài hạn. Tỷ lệ lao động và mức độ đô thị hóa cao là lợi thế cho phát triển của các địa phương. Tuy nhiên, tác động của các yếu tố này không lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aghion, P and Bolton, P. (1990). Government Domestic Debt and The Risk of Default: A Political Economy Model of The Strategic Role of Debt. In: Dornbusch, R. & Draghi, M. (Eds.), *Public Debt Management: Theory and History*. Cambridge, Cambridge University Press.
- Alesina, A. & Rodrik, D. (1994). Distributive Politics and Economic Growth. *Quarterly Journal of Economics*. Vol. 109, p.465-490.
- Banerjee, A. V. & Duflo, E. (2003). *Inequality and Growth: What Can the Data Say?*. Cambridge, MA: National Bureau of Economic Research Working Paper. No. 7793.
- Barro, R. J. & Sala-i-Martin, X. (1999). *Economic Growth*. McGraw-Hill, Inc.
- Bramati, M. C. & Croux, C. (2007). Robust estimators for the fixed effects panel data model. *The Econometrics Journal*, Vol. 10, No. 3, 521-540.
- Brewer, M., O’Dea, C. (2012). *Measuring living standards with income and consumption: evidence from the UK*. ISER Working Paper Series, No.5 (March).
- Coll, J. A. C. (2014). *Inequality and growth in the context of the Mexican economy: Does inequality matter for growth?*, Universidad Autónoma de Tamaulipas.
- Deininger, K. & Squire, L. (1996). A New Data Set Measuring Income Inequality. *The World Bank Economic Review*, 10(3): 565-91.
- Digdowiseiso, K. (2009). *Education inequality, economic growth, and income inequality: Evidence from Indonesia, 1996-2005*, Indonesia: University of National.
- Hoàng Thùy Yến (2015). *Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Kuznets, S. (1955). Economic Growth and Income Inequality. *The American Economic Review*, vol. 45, p.1-28.
- Le Quoc Hoi (2008). *The Linkages between Growth, Poverty and Inequality in Vietnam: An Empirical Analysis*. VietNam: National Economics University.
- Lewis, W. A. (1954). Economic Development with Unlimited Supplies of Labour. *The Manchester School*, Vol (22), Issue 2, pages 139-191.
- Mankiw, N. G. (2004). *Principles of economics*, 3rd ed, Thomson South-Western.
- Nguyen Van Phuc, Le Ho Phong Linh (2014) Identifying Vietnam’s income inequality forms at the provincial level during the 2002 - 2010 period. *Journal of Science Ho Chi Minh City Open University*, No.3 (11) 2014, p.3-11.

- Ortega-Díaz, A. (2003). *Assessment of the relationship between Income inequality and Economic Growth*. <http://repec.org/esLATM04/up.20859.1082067057.pdf> (ngày truy cập 12/10/2014).
- Oyama, M. (2014). *How does Income distribution affect Economic Growth? Evidence from Japanese prefectural Data*. Japan: The Institute of Social and Economic Research Osaka University.
- Pede, V. O., Sparks, A. H. & McKinley, J. D. (2012). *Regional Income Inequality and Economic Growth: A Spatial Econometrics Analysis for Provinces in the Philippines*. Philippines: International Rice Research Institute.
- Persson, T. & Tabellini, G. (1994). Is Inequality Harmful for Growth?. *The American Economic Review*, vol. 84, issue 3, p.600-621.
- Perotti, R. (1996). Growth, Income Distribution, and Democracy: What the data Say?. *Journal of Economic Growth*, p.149-187.
- Phạm Ngọc Toàn và Hoàng Thanh Nghị (2012). Mối quan hệ giữa tăng trưởng, nghèo đói và bất bình đẳng ở Việt Nam thời kỳ 2006- 2010. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 178 (II), Tháng 04/2012, tr.63 - 73.
- Todaro, M. P. (1994). *Economic Development*, 5th edition, New York, London: Longman.
- Todaro, M. P. & Smith, S. C. (2012). *Economic Development*, 11th edition, Boston, Mass: Addition-Wesley.
- Vũ Triều Minh (1999). Chi tiêu của hộ gia đình, Chương 9, Trong Haughton, D., Haughton, J. B. & Trương Thị Kim Chuyên, Nguyễn Nguyệt Nga và Hoàng Văn Kinh. *Hộ gia đình Việt Nam nhìn qua phân tích định lượng*. Hà Nội: Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
- Wanyagathi, M. A. (2006). *Income inequality and Economic Growth in Kenya*, Kenya: University of Nairobi.

³ <http://data.worldbank.org/> cập nhật ngày 14/10/2015.

⁴ Dù dữ liệu VHLSS không đại diện cho cấp tỉnh thành nhưng đây là chuỗi dữ liệu dài nhất và duy nhất hiện có cho phép tính GINI thu nhập và chi tiêu theo thời gian ở cấp tỉnh thành từ năm 2002 đến 2012. Đây cũng là nguồn dữ liệu quan trọng được sử dụng trong các nghiên cứu định lượng về bất bình đẳng ở các tỉnh thành tại Việt Nam.

⁵ Ln GDP bình quân đầu người (LnGDPpc) có phân bố xác suất gần phân phối chuẩn hơn GDP bình quân đầu người (GDPpc).

⁶ Tỉnh Điện Biên được tách từ tỉnh Lai Châu (cũ) vào năm 2003, tỉnh Đắk Nông được tách ra từ tỉnh Đắk Lắk (cũ) vào năm 2004, tỉnh Hậu Giang được thành lập từ năm 2004 do tách ra từ tỉnh Cần Thơ (cũ).

⁷ Đây cũng là một trong những lý do vì sao hầu hết các nghiên cứu lượng hóa tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng sử dụng GINI theo thu nhập thay vì sử dụng GINI theo chi tiêu dù Việt Nam hiện vẫn là một quốc gia đang phát triển.

⁸ Một ví dụ cụ thể là giá trị GINI theo thu nhập do Ngân hàng thế giới công bố thường thấp hơn giá trị GINI tương ứng của Tổng cục thống kê.

⁹ Hệ số GINI tính theo hộ hay từng người dân có độ chính xác cao hơn khi tính theo nhóm dân cư.